

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê;

2. Bà Nguyễn Thị Chinh;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Trinh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nông Văn t; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nông Thị U; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nông Văn T trình bày:

Ông Nông Văn T và bà Nông Thị U là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 19/3/2004 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi vã, bất đồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân được gần 02 năm nay. Tuy ở chung nhà nhưng có tình cảm vợ chồng, ai làm việc người đó, không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy tình cảm không còn nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nông Thị U.

Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Cháu Nông Văn C sinh ngày 13/4/2000 và cháu Nông Văn M sinh ngày 18/5/2002, con chung phát triển bình thường. Hiện tại con chung đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nông Thị U trình bày:
Ông Nông Văn T và bà Nông Thị U là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 19/3/2004 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng từ tháng 11/2021 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do ông Nông Văn T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi vã, bất đồng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2021 cho tới nay. Mặc dù, ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng bà U đã bỏ qua mọi sai lầm của ông T để hàn gắn hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái. Nay xét thấy tình cảm vẫn còn nên bà U không đồng ý ly hôn với ông Nông Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Cháu Nông Văn C sinh ngày 13/4/2000 và cháu Nông Văn M sinh ngày 18/5/2002, con chung phát triển bình thường. Hiện tại con chung đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Ông T và bà U đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 19/3/2004 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống giữa ông T và bà U bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác. Do đó, có thể thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà U chưa đến mức trầm trọng và bà U có nguyện vọng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nông Văn T với bà Nông Thị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “Ly hôn” và bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nông Văn T và bà Nông Thị U là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 19/3/2004 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông T với bà U là hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông T đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của ông T và bà U: Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi nhau. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn trên thì không còn nguyên nhân nào khác. Quá trình giải quyết vụ án bà U cho rằng ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, bà U vẫn mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Theo biên bản xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã T, huyện N xác định vợ chồng ông T, bà U có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nông Văn T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ ông T nhưng bà U vẫn tha thứ và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nông Văn T với bà Nông Thị U.

[2.2]. Về con chung và tài sản chung: Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009078 ngày 21/6/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn T về việc “Ly hôn” với bà Nông Thị U.

- Về con chung và tài sản chung: Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009078 ngày 21/6/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
-;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Xuân Hải